

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	220	156,252	71,024	70,95
I	Số thu phí, lệ phí	220	156,252	71,024	70,95
1	Lệ phí				
2	Phí	220	156,252	71,024	70,95
2.1	Phí cấp Giấy phép hoạt động điện lực	10	1,6	16,000	200,000
2.2	Phí hoạt động Thương mại	30	30	100,000	81,967
2.3	Phí cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ	20	12	60,000	61,538
2.4	Phí Cấp GCN đủ ĐK VSATTP + Xác nhận KT	20	11,17	55,850	41,695
2.5	Phí thẩm định TKCS (Xăng dầu, Điện)	130	97,082	74,678	76,067
2.6	Phí Cấp GCNĐĐ&K Sản xuất rượu, thuốc lá	10	4,4	44,000	50,000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	184	35,0	19,02	42,81
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				

b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	184	35,0	19,02	42,81
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	184	35,0	19,02	42,81
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	36	28,74	79,84	73,08
1	Lệ phí				
2	Phí	36	28,74	79,84	73,08
2.1	Phí cấp Giấy phép hoạt động điện lực	1	0,16	16,00	200,000
2.2	Phí hoạt động Thương mại	15	15,00	100,00	81,967
2.3	Phí cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ	2	1,20	60,00	61,538
2.4	Phí Cấp GCN đủ ĐK VSATTP + Xác nhận KT	4	2,234	55,85	41,695
2.5	Phí thẩm định TKCS (Xăng dầu, Điện)	13	9,71	74,68	76,066
2.6	Phí Cấp GCN ĐDK Sản xuất rượu, thuốc lá	1	0,44	44,00	50,00
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.837,857	3.079,396	58,700	181,880
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.107,057	2.285,796	37,429	105,910
1	Chi quản lý hành chính	6.107,057	2.285,796	37,429	105,910
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.576,857	2.277,133	40,832	102,438
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	530,2	8,663	1,634	170,199
2	Chi hoạt động kinh tế	3.730,8	793,6	21,3	76,0
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.891,8	687,7	36,4	90,7
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.839,0	105,9	5,8	35,4

Ngày tháng 7 năm 2020
Thủ trưởng đơn vị

